

## Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

## Tập 358

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 03.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_ Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 425 giữa hàng thứ hai. Bắt đầu xem từ câu “ai giả bi ai”. Đây là kinh văn “thanh sướng ai lượng”. Chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

*“Ai giả bi ai, văn giả năng sanh đại từ bi cố. Lượng giả minh lượng, hưởng lượng, hựu vi thâm triệt hiển lộ. Do năng khai phát trí huệ minh cố”.*

Đây đều là nói gió thổi cành lá của cây báu, diễn ra vô lượng âm thanh diệu pháp. Tất cả đều là miêu tả điều này. Cây báu thực sự giống như chuông gió vậy, âm thanh còn thanh thoát tuyệt diệu hơn nhiều, hơn nữa trong âm thanh còn thuyết pháp, phảng phất giống như ca kịch vậy, khiến người nghe khởi tâm đại bi. Tâm đại bi là tánh đức. Từ câu này khiến chúng ta nghĩ đến, trong âm thanh chắc chắn tiết lộ tình huống của lục đạo chúng sanh trong quốc độ của mười phương Chư Phật. Lục đạo khổ, tam đồ càng khổ. Như vậy dẫn dắt người nghe, người nghe là Bồ Tát ở thế giới tây phương Cực Lạc. Chủ yếu là đối với Bồ Tát trong cõi đồng cư mà nói, làm khởi dậy tâm lân mẫn, tâm đại bi của những vị Bồ Tát này.

Lượng là sáng chói. Chẳng những khởi tâm đại bi, mà trí huệ và tâm đại bi đồng thời sanh khởi. Đây chính là nhân duyên khai phát trí tuệ.

*“Vi diệu hoà nhã”.* Bên dưới giải thích, *“vi giả vi mật, kỳ âm vi mật như phạm hưởng cố”.* Phạm hưởng này chính là âm nhạc của Phạm thiên, âm nhạc của chư thiên cõi đại phạm. *“Diệu giả diệu thiện. Kỳ hỷ diệu thiện tợ loan thanh cố”.* Người xưa thường nói loan phụng hoà minh. Đây là tán thán khen ngợi tiếng kêu của chim Phụng hoàng. *“Hoà giả điều hoà, âm vận khắc điều, cung thương hoà cố”.* Đây là tán thán âm thanh mỹ miều. *“Nhã giả nhã chánh. Kỳ âm nhã chánh, thuận Phật pháp cố”.* Cũng chính là những thứ mà người trong thời cổ đại đều có. Dùng cách nói như hiện nay là biểu diễn văn nghệ. Thi ca, âm nhạc, vũ đạo, hý kịch, thậm chí là tạp kỹ, kịch nói. Điều phải tuân thủ một nguyên tắc, nguyên tắc này chính là điều Khổng Tử nói trong Luận Ngữ “vô tư tà”, khiến người nghe, người thưởng thức không có tư duy hay ý niệm tà nguy. Đây là những văn nghệ biểu diễn phổ biến trong xã hội mấy ngàn năm nay, nhất định phải tuân thủ. Nên gọi là nhã chánh\_đoan chánh. Như vậy đặc tính của xã hội mới tốt được. Âm nhạc không chỉ dùng để giải trí, mà trong đó còn có giáo dục, ngụ ý giáo dục trong âm nhạc. Trung quốc mấy ngàn năm, xã hội có nền trị an lâu dài. Nền giáo dục phát sanh tác dụng chủ đạo, vì cả văn nhã và thô tục đều cùng thưởng thức. Trung quốc thời xưa không có nhiều trường

học, cũng không có nhiều thầy giáo. Số nghệ nhân biểu diễn này giúp nếp sống của quốc gia, xã hội đoan chánh hơn. Đích thực đã tích được vô lượng công đức, đã làm được rất nhiều việc tốt.

Hiện nay xã hội điên đảo. Duy chỉ sợ quý vị không có tư duy tà vạy, để quý vị nhìn thấy biểu diễn nghệ thuật này, sanh khởi điều gì? Sanh khởi tham sân si mạn, sanh khởi thất tình lục dục. Nó khiến chúng ta sanh khởi những điều này. Vì thế xã hội mới loạn. Vì sao xã hội ngày xưa quá tốt, còn hiện nay lại loạn như vậy? Hết thấy đều là do giáo dục. Giáo dục ở thế giới tây phương Cực Lạc có những biểu diễn văn nghệ này chăng? Có. Bản thân thế giới Cực Lạc không có, chỉ có chư thiên cúng dường. Như chúng ta thấy tranh tường của người xưa. Tranh tường ở Đôn Hoàng vẽ kiểu này rất nhiều.

Đức Thế Tôn ở đó thuyết pháp dạy học, giữa không trung có chư thiên múa hát để cúng dường. Cúng dường Đức Thế Tôn, cúng dường đại chúng và cúng dường đạo tràng. Nên chúng ta tin rằng thế giới tây phương Cực Lạc nhất định có. Ngoài điều này ra thì bản thân thế giới Cực Lạc, quý vị xem gió thổi cành lá của cây có thể phát ra âm thanh vi diệu. Những âm thanh này và pháp mà Như Lai nói hoàn toàn tương ứng. Dùng phương thức âm nhạc để diễn đạt. Điều này ở sau nhất định sẽ nói đến. Đây đều là bốn nguyện công đức của Di Đà Như Lai thành tựu. Thật không thể nghĩ bàn.

*“Thượng thuật âm thanh chi đức, phi đãn u thiên trung tối vi thù thắng”*. Thiên ở đây là chư thiên. Dục giới thiên, sắc giới thiên. *“Diệc u thập phương thế giới trung tối vi đệ nhất”*. Trong mười phương thế giới cũng không sánh được sự thù thắng của thế giới Cực Lạc. *“Cố vân, thập phương thế giới âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất”*. Thế giới này của chúng ta là nhân công chế tạo, chuông gió, đem chuông gió treo lên, khi gió thổi tiếng nhạc của chuông gió nghe rất êm tai, nhưng nó không thể thuyết pháp, chư thiên tán thán là thiện pháp, nhưng pháp đó không thể khiến quý vị minh tâm kiến tánh, không thể giúp chúng ta khai ngộ. Nhưng âm thanh ở thế giới Cực Lạc đã êm tai, lại còn có thể giúp chúng ta khai trí huệ. Điều này rất khó có được.

Chúng ta đoạn văn bên dưới.

*“Nhược hữu chúng sanh, đố bỏ đề thọ. Văn thanh, khứ hương, thường kỳ quả vị, xúc kỳ quang ảnh, niệm thọ công đức, giai đắc lực căn thanh triệt, vô chư não hoạn, trú bất thoái chuyển, chí thành Phật đạo. Phục do kiến bỉ thọ cố, hoạch tam chủng nhân. Nhất âm hưởng nhân, nhị nhu thuận nhân, tam giả vô sanh pháp nhân”*.

Đoạn này nói về cây báu làm lợi ích cho chúng sanh. Thật đúng là bảo thọ, do vô lượng trân bảo thành tựu. Trân bảo đó không đáng quý, nhưng cây này có thể giúp chúng ta thành Phật. Đó mới thật sự là báu, là của báu vô thượng. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

“*Hựu hiển thọ tác nhiều ích*”. Hiển thị Bồ đề thọ. Đoạn này nói về đạo tràng thọ Đạo tràng Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp. Bên ngoài đạo tràng là Bồ đề thọ. “*Quảng thí chân thật chi lợi*”. Nó đem đến cho tất cả đại chúng, đại chúng ở đây là Bồ Tát ở cõi đồng cư, Bồ Tát ở cõi phương tiện, còn có Bồ Tát ở cõi thật báo. Nhân số vô lượng vô biên vô số vô tận, không ai có thể đếm kể được.

Địa cầu này của chúng ta không lớn, trong vũ trụ nó chỉ là một hòn đảo nhỏ, một hòn đảo rất nhỏ. Nhân số chưa đến 70 ức, không thể so sánh với thế giới Cực Lạc, thế giới đó quá lớn. Trong thế giới đó, những thứ lục căn tiếp xúc đến đều có thể giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn phiền não, khai trí huệ, thành Phật đạo. Đây là lợi ích chân thật.

“*Chúng sanh nhược hữu mục kiến thụ thọ, nhĩ văn kỳ thanh, tỷ khứu kỳ hương, khẩu thường kỳ quả vị, thân xúc kỳ quang ảnh. Hoặc ý căn ức niệm thọ chi công đức*”. Quý vị xem mấy câu này, nhân nhĩ thủy thiết thân ý. Lục căn tiếp xúc cây đại thọ này, cây Bồ đề này, quý vị có thể gặt hái được công đức không thể nghĩ bàn. Chú giải ở dưới nói: “*Như thị nhãn nhĩ tỷ thiết thân ý lục căn. Kỳ trung nhậm hà nhất căn, năng duyên thủ thọ giai đắc bất thoái. Đắc nhãn, thành Phật chi thắng ích*”. Được bất thoái chuyển, đây là lợi nhỏ, được vô sanh pháp nhãn, là lợi ích bậc trung, thành Phật là lợi ích vô thượng.

Người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chúng ta chỉ nói cõi phàm thánh đồng cư, chúng ta vãng sanh là sanh đến chỗ này. Sanh về thế giới Cực Lạc, chư vị nên biết, từng giờ từng phút không rời Phật A Di Đà. Đến thế giới Cực Lạc không phải để hưởng phước, đó là đất phước, đất phước thì người có phước ở. Quý vị có phước lớn như thế, thì ở thế giới Cực Lạc. Đến đó làm gì? Đến để học tập, để đi học. Phật A Di Đà là thầy, đại chúng Bồ Tát đều là đồng học. Trong các bạn đồng học, kinh Di Đà nói rằng: “*chư thượng thiện như câu hội nhất xứ*”. Trong những cuốn chú giải của chư vị cổ đức, cho rằng “*thượng thiện*” chính là hàng Đẳng giác Bồ Tát. Nói cách khác, là người chúng được quả vị đẳng giác, những người đi trước chúng ta như thế số lượng rất đông, hàng ngày đều ở với những người này, nếu nghe Phật giảng kinh không hiểu, thì những bậc đàn anh này đều có thể giảng giải tường tận cho chúng ta.

Tu học nghe pháp ở thế giới Cực Lạc, còn có năng lực đến mười phương thế giới tham vấn học hỏi. Đi cúng dường Phật là tu phước, nghe pháp là tu huệ, phước huệ song tu, cho đến khi chúng ta thành vô thượng đạo, thành Phật. Việc học tập không bao giờ bị gián đoạn, cũng không bị thoái chuyển. Nói cách khác, giống như đi học vậy, mỗi năm đều lên lớp, không bị ở lại, cũng không bị bỏ học, chắc chắn được tốt nghiệp, tốt nghiệp chính là thành Phật. Nên một người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, thì người này đã thành Phật. Do đây mà biết, công đức đưa người vãng sanh lớn biết bao. Thật sự đưa một người đến thế giới tây phương Cực Lạc, là thành tựu được một vị Phật. Điều này là thật không phải giả. Đưa người vãng sanh, cơ duyên này rất nhiều, đến đâu cũng có thể nhìn thấy, nhưng người thật sự vãng sanh thì không nhiều. Toàn thân mềm mại, trên đỉnh đầu nóng, có phải người này được vãng sanh chăng? Người vãng sanh có hiện tượng này. Nhưng hiện tượng này không thể nói lên là thật sự vãng sanh. Vì sao vậy? Vì sanh thiên

cũng có đoan tướng này, cho đến tương lai họ đầu thai làm người, đời này họ tích lũy rất nhiều công đức, đời sau đến thế gian là đại phú đại quý, họ cũng có đoan tướng này.

Trong các đoan tướng, chỉ có một điều chắc chắn họ được vãng sanh, đó chính là bản thân họ nói với mọi người, khi sắp mạng chung nói với mọi người rõ ràng minh bạch: “Phật A Di Đà đến tiếp dẫn tôi, cáo từ mọi người tôi phải đi đây.” Như vậy là thật, hoàn toàn không giả dối.

Ngày xưa vào thời Đông Tấn, Ngài Huệ Viễn kiến lập niệm Phật Đường đầu tiên ở Lô Sơn. Sau này chúng ta tôn xưng ngài làm sơ tổ Tịnh độ tông. Cùng chí hướng có 123 người, lấy Hồ Khê làm ranh giới. Mọi người đều phát thệ không ra khỏi giới hạn, ở ngay tại đây niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Họ thật sự đã thành công, ai ai cũng vãng sanh. Người vãng sanh trước người vãng sanh sau đều nhìn thấy, thấy người trước có Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, họ đi theo ngài. Đây là thật, tuyệt đối không phải giả. Khi ngài Huệ Viễn vãng sanh đã nói với mọi người. Trước đây ngài đã từng thấy thế giới Cực Lạc ba lần, nhìn thấy trong định, khi niệm Phật đến tâm được định, trong định nhìn thấy, thấy hết thấy ba lần. Ngài nói hôm nay lại thấy, lại hiện ra, hoàn toàn giống như trước đây thấy ở trong định, duyên đã thuận thực, tôi phải vãng sanh, còn nhìn thấy người vãng sanh trước của Liên Xã đều đến, theo Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Khi gặp mặt còn hỏi, tại sao ông đi trễ thế? Tại sao bây giờ mới đến? Vui vẻ cáo biệt mọi người. Đại chúng hỏi ngài, thế giới Cực Lạc như thế nào? Ngài nói hoàn toàn giống như trong kinh nói.

Chúng ta cần phải biết, thời đại của ngài Huệ Viễn chỉ có Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Di Đà và Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật truyền đến Trung Quốc bằng phiên bản tiếng phạn, chưa phiên dịch. Đại chúng của Đông Lâm Niệm Phật Đường chưa nhìn thấy, chỉ nương theo kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ, là bộ kinh thuộc về Tịnh độ được truyền đến Trung Quốc sớm nhất, cũng là phiên dịch sớm nhất. Chuyện vãng sanh này là thật không phải giả.

Doanh Khả pháp sư đời nhà Tống là tỳ kheo phá giới. Người này có thiện căn. Thiện căn gì? Sợ đọa địa ngục. Nghĩ đến hành nghiệp của mình chắc chắn phải đọa địa ngục A tỳ, thầy sợ hãi nên cầu cứu với các vị đồng tu, có phương pháp gì khiến cho tôi không bị đọa địa ngục? Thầy ấy sợ cái khổ của địa ngục. Có vị đồng tu đưa thầy một cuốn Vãng Sanh Truyện, mỗi lần xem xong thầy đều khóc, rất cảm động. Sau khi xem xong sách này liền hạ quyết tâm, nhất tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Dốc lòng, suốt ba ngày ba đêm không ngủ nghỉ, cũng không ăn. Một câu Phật hiệu niệm rôt ráo ba ngày ba đêm, rất thành tâm, có câu chí thành cảm thông, niệm khiến Phật A Di Đà đến. Ngài nói với thầy, người còn tuổi thọ mười năm ở nhân gian, mười năm sau khi người mạng chung ta sẽ đến tiếp dẫn. Doanh Khả pháp sư nghe như vậy, liền thỉnh cầu Phật A Di Đà: Con không cần mười năm ở nhân gian, bây giờ con đi với ngài. Vì sao vậy? Vì thói hư tật xấu của thầy ấy rất nhiều, không vượt qua được cám dỗ. Mười năm bị cảnh giới bên ngoài quyến rũ, không biết lại làm bao nhiêu điều xấu, cho nên con không cần, bây giờ con đi. Phật A Di Đà đồng ý và nói rằng: Thôi được! Ba ngày sau ta đến đón người.

Chúng tôi biết vì sao đức Phật không dẫn thầy ấy đi liền. Dẫn đi liền thì không ai biết, họ lại cho rằng Doanh Khả pháp sư chắc là tự sát, vì ba ngày ba đêm không mở cửa, khi mở cửa thì ngài đã chết, chắc là tự sát. Người ta sẽ nghi hoặc, không biết sự thù thắng của việc niệm Phật. Đức Phật nói ba ngày sau đến đón người. Có thời gian ba ngày để thông báo với mọi người. Thấy ấy cũng rất hay, mở cửa phòng ra và nói với đại chúng: Tôi đã gặp Phật A Di Đà, ba ngày sau tôi vãng sanh. Trong chùa không ai tin. Hạng người như ông, cũng may là thời gian ba ngày không dài, thử coi ba ngày sau ông đi hay không. Đến ngày thứ ba, thầy thành khẩn yêu cầu đại chúng niệm Phật đưa thầy vãng sanh. Đương nhiên mọi người rất vui. Đưa vãng sanh rất thù thắng, mỗi người đều rất thích. Xem thầy rốt cuộc là thật hay giả?

Niệm được một khắc, ngày xưa một khắc là nửa tiếng ngày nay. Bây giờ là nửa tiếng. Thầy liền nói với đại chúng, Phật A Di Đà đến rồi, cảm ơn mọi người trợ niệm. Nói xong liền ra đi. Điều này là thật không phải giả. Không hề bị bệnh. Chư vị nên biết, thầy là một tỳ kheo phá giới.

Người xuất gia ngày nay một thân tội nghiệp. Tuyệt đối không ít hơn Doanh Khả pháp sư. Chúng ta khởi ác niệm, làm việc xấu, nhiều hơn thầy ấy rất nhiều. Chúng ta có thể vãng sanh như thầy chăng? Đáp án là khẳng định. Chúng ta phải biết niệm, nếu không niệm mấy mươi năm cũng uổng công. Người xưa nói miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét hư cổ họng cũng phí công. Ngày nay chúng ta niệm Phật đều như vậy, vọng niệm quá nhiều, thất tình lục dục không buông được. Đọc kinh nghe kinh thì không hiểu, nên không có hiệu quả. Không có hiệu quả thì sao? Liên nghi hoặc. Rốt cuộc pháp môn này là thật hay giả? Nếu không hoài nghi điều này thì hoài nghi căn tánh của chính mình, chắc pháp môn này không thích hợp với tôi, tôi phải chọn pháp môn khác. Đây là nguyên nhân không thể thành tựu.

Phải niệm Phật như thế nào mới tương ưng? Bồ Tát Đại Thế Chí nói rất rõ ràng minh bạch. Bồ Tát Đại Thế Chí tu pháp môn niệm Phật và thành Phật. Ngài nói cho chúng ta biết phương pháp chỉ có tám chữ. “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Doanh Khả pháp sư đóng cửa phòng ba ngày ba đêm, chính là dùng pháp môn này. Đô nhiếp lục căn là gì? Là buông bỏ vạn duyên, kẻ phạm phu lục căn cứ rong ruổi bên ngoài, mắt duyên sắc, tai duyên âm thanh, nó thích rong ruổi bên ngoài, tâm của họ rất tán loạn. Đô nhiếp lục căn là gì? Là quay trở về tâm. Mắt không duyên sắc, tai không duyên âm thanh, tâm quý vị là định. Không buông bỏ sao được?

Đường Chủ trong niệm Phật đường thường nhắc nhở mọi người: “Buông bỏ thế giới thân tâm, giữ vững chánh niệm”. Đây là câu nói lặp đi lặp lại của Đường Chủ trong niệm Phật đường. Từng giờ từng phút đều cảnh tỉnh mọi người. Tịnh niệm, dùng tâm thanh tịnh niệm Phật. Như thế nào gọi là thanh tịnh? Thứ nhất là không hoài nghi, thứ hai không xen tạp niệm. Người thường chúng ta không làm được, có hoài nghi mà chính mình không biết, không rõ ràng. Nhưng xen lẫn tạp niệm thì quá rõ ràng. Khi niệm Phật có vọng tưởng

trong đó, xen lẫn vọng niệm, khi nghe kinh xen tạp vọng tưởng, khi đọc kinh xen tạp vọng tưởng. Điều này khó tránh.

Quý vị xem trong Văn Sao của Ấn Quang đại sư, có một người cư sĩ niệm Phật đến thỉnh giáo ngài. Tu tịnh độ niệm ba năm, một lần niệm một cây hương. Người xưa tính thời gian là dùng hương để tính. Bây giờ khoa học kỹ thuật tiến bộ, đồng hồ rất rẻ, thời xưa đồng hồ rất quý trọng. Đối với thời gian, trong nhà Phật, trong chùa đều dùng hương. Một cây nhang dài khoảng một tiếng rưỡi. Nhang thường là một tiếng, nên gọi là một cây hương. Trong một cây hương niệm danh hiệu Phật, nếu còn có năm sáu vọng tưởng, như vậy đã là không tệ. Ấn Quang đại sư nghe nói như vậy cũng cho là hiếm thấy. Công phu không tệ. Nếu trong một cây hương mà không có vọng tưởng nào. Công phu đó đã thuần thực, chúng ta mới có thể có cảm ứng.

Vì sao lại bị xen tạp vọng tưởng? Bởi không buông bỏ, thật sự buông bỏ sẽ không có vọng tưởng. Nên công phu là ở chỗ buông bỏ hay không! Nhiều năm nay, tôi thường khuyên các bạn đồng học, buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn. Tôi nói 16 chữ này. Mười sáu chữ này là công phu cơ bản, chứ không phải là rất thâm sâu, nghĩa là quý vị vừa đạt được tiêu chuẩn này. Nếu có thể buông bỏ những thứ này, trong một cây hương, nhiều nhất là 1,2 lần vọng niệm, không nhiều lắm. Công phu niệm thuần thực, sau năm ba năm thì trong một cây hương đó, không còn một tạp niệm nào nữa, sẽ đạt được niệm Phật tam muội. Được niệm Phật tam muội không cần vui mừng. Vì sao vậy? Bởi khi không niệm Phật vẫn còn tạp niệm. Cần phải niệm đến khi không niệm Phật cũng không có vọng niệm, đó gọi là công phu thành phiền. Công phu thành phiền là nhất tâm bất loạn thấp nhất. Sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, nhất định vãng sanh.

Công phu thành phiền cũng có sâu cạn không giống nhau. Người công phu thâm sâu, có thể vãng sanh tự tại, muốn đi lúc nào thì đi, muốn lưu lại đây vài ngày cũng không sao. Họ có thể đi bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào. Nên pháp môn này, Thiện Đạo đại sư nói vạn người tu thì vạn người đi, không có ai không thành tựu. Pháp môn rất thù thắng. Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều không thể sánh với nó. Như vậy hiện nay vấn đề do đâu? Vấn đề là chúng ta không chịu buông bỏ. Bồ Tát dạy chúng ta đô nhiếp lục căn, nhưng ta lại không chịu đô nhiếp lục căn. Như vậy thì không chẳng làm gì được. Nên người tu hành chơn chánh, họ buông bỏ hết, không để ý đến bất cứ điều gì, ngay cả ý niệm độ chúng sanh cũng phải buông bỏ. Vì sao vậy? Vì quý vị không độ được!

Quý vị phát tâm độ chúng sanh. Có câu” “lực bất tòng tâm”, chính mình chưa độ được mình thì làm sao có thể độ người? Nên phàm phu chúng ta nhất định phải thừa nhận, phàm phu lấy tự độ làm đệ nhất, độ chúng sanh là việc phụ. Đức Phật không độ người không có duyên. Như thế nào gọi là có duyên? Người này tôi biết, họ có thể tin, có thể lý giải, có thể buông bỏ và họ chịu niệm Phật. Người này có thiện căn, độ một người tốt một người. Người có thiện căn phước đức nhân duyên như vậy, không phải nhiều, không phải nhiều đâu. Đích thực trong ngàn vạn người, hiếm có được một hai người. Đại đa số người

học Phật đều là đến chơi, không phải thật. Nếu làm thật họ sẽ không đến. Điều này từ trước khi tôi học với thầy Lý, thầy Lý thường nói, hiện tại những người niệm Phật này, họ đến làm gì? Họ đến tiêu khiển. Ở nhà buồn không biết đi đâu, đến chùa đến đạo tràng để tiêu khiển. Họ không phải thật tu.

Người đến tiêu khiển, chúng ta cứ để họ đến. Tại sao vậy? Để họ trông chút ít thiện căn. So với đến những chỗ vui chơi khác tiêu khiển vẫn tốt hơn. Chỉ để họ trông chút ít thiện căn, không nên hy vọng nhiều về họ, đời này có vãng sanh hay không, đó là điều không chắc. Nên người niệm Phật nhiều, nhưng người vãng sanh ít. Chúng ta hiểu rõ những chân tướng sự thật này, thì chúng ta phải tránh. Phải đoạn tận nhưng duyên làm chướng ngại việc vãng sanh, còn duyên thành tựu việc vãng sanh chúng ta phải nắm chặt, mới nhất định được vãng sanh! Trong Tịnh Độ Hiền Thánh Lục, hoặc Vãng Sanh Luận không phải toàn bộ, nhưng có rất nhiều người thật sự vãng sanh mà không ai biết. Những điều ghi chép đó chỉ là một số người biết được. Biết được pháp môn này rộng lớn, thật sự muốn tu muốn thành tựu không phải là việc khó, vì nó không bắt chúng ta phải đoạn phiền não. Đoạn đó là việc khó. Có thể nói chúng ta không có bản lĩnh này.

Phương pháp của nó là điều phục phiền não. Dùng câu Phật hiệu này, niệm đặc lực câu Phật hiệu này sẽ chế phục được phiền não, phiền não không có không gian để xen lẫn vào. Đây gọi là chế phục phiền não. Còn có vọng tưởng tạp niệm xen vào, thì công phu chưa rốt ráo, chúng ta chưa chế phục được phiền não, nên nó vẫn xen vào, tạp niệm vẫn xen vào. Chúng ta hiểu được đạo lý này, nên thường dùng điều này để kiểm nghiệm công phu chính mình, tự mình sẽ rõ ràng minh bạch, không cần đi thỉnh giáo người khác, đi hỏi người khác, hỏi người khác, người ta cũng không nói với quý vị, người ta nói đều là chúc mừng và tán thán quý vị. Họ sẽ không nói là quý vị chưa đạt. Nên hiện nay tu học đều phải dựa vào chính mình.

Ngày xưa thầy giáo nói thật với quý vị, các bạn đồng tu cũng nói thật với quý vị, cha mẹ cũng nói thật với quý vị. Hiện nay không còn, hiện nay không dám nói, sợ quý vị không vui. Hà tất phải kết oán thù với quý vị? Vì oan gia nên giải không nên kết. Họ thích nghe điều gì thì tán thán vài câu, dù gì cũng không phải là lời thật. Đây là tu hành trong thời đại này, người giúp ta không nhiều, phải dựa vào chính mình, phải dựa vào kinh giáo. Ngày ngày không rời kinh giáo, đối với kinh giáo phải dùng tâm chân thành cung kính, mới có thể đạt được lợi ích. Không có tâm chân thành, không có tâm cung kính sẽ không đạt được lợi ích.

Chúng ta nói đến lục căn. *“Thủ vân giai đắc lục căn thanh triệt. Hội Sớ thích viết, nhĩ căn vô cấu vi thanh, triệt thính chúng âm viết triệt. Y thủ dĩ liệt dư căn”*. Trong Hội Sớ chỉ nhắc đến hai căn. Lục căn đưa ra một ví dụ. Hoàng Niệm Tổ y theo ví dụ này nói rất hay. *“Tắc nhãn căn vô cấu viết thanh, triệt kiến chúng sắc viết triệt. Nãi chí ý căn, tắc ý căn vô cấu viết thanh, triệt liễu chư pháp viết triệt. Lục căn các pháp thắng trí giai đắc thanh triệt, cố viết lục căn thanh triệt”*. Đoạn này chúng ta phải học! Cầu là cầu uế, hiện

nay gọi là nhiễm ô. Nhĩ căn có nhiễm ô. Điều gì làm nó nhiễm ô? Tam độc tham sân si nhiễm ô nó. Lục căn nhiễm ô đều là tham sân si, là tam độc này.

Quý vị xem nhĩ căn, thích nghe âm nhạc êm tai khởi tham ái, bị tham nhiễm ô. Hoặc là nghe âm thanh không hay, cảm thấy ghét, khởi tâm sân hận. Bị sân hận ô nhiễm, bị ngu si ô nhiễm. Đây là căn. Còn duyên thì sao? Duyên là thất tình ngũ dục. Sẽ từ trong tham sân si sanh khởi những dục vọng này. Khi dục vọng sanh khởi, thích thì muốn chiếm hữu, muốn không chế, không thích thì muốn đem nó, thậm chí sát hại nó, tiêu diệt nó. Như vậy là sai, đây là không thanh tịnh.

“*Triệt thính chúng âm*”, Điều này chúng ta thường nói là đầu óc thông suốt, nhãn quang mãn tiệp. Tai mắt thông minh sáng suốt. “Triệt kiến, triệt thính” là hiểu rõ chân tướng sự thật. Nếu hàm hồ chung chung thì không phải là nghe. Lục căn đều bế tắc. Hiện tượng này hiện nay rất phổ biến, kinh để họ đọc, để họ xem. Đọc bao nhiêu biến cũng không hiểu, nghe bao nhiêu lần cũng không thông. Nghe không hiểu nên không có hứng thú. Con người bây giờ thích nghe gì? Giáo huấn của thánh hiền nghe không lọt vào tai, nhã nhạc của người xưa nghe không hiểu, nghe không có hứng thú.

Nếu mở cỗ nhạc cho quý vị nghe, sẽ khiến mọi người chạy hết. Trong nhạc có cảnh giới, nếu không tu, không có trí huệ, thì làm sao nghe hiểu được? Người xưa nói, chí ở trên núi cao, chí ở nơi nước chảy, quý vị có thể nghe hiểu chăng? Âm nhạc không phải dùng ngôn ngữ câu thông, là dùng tâm linh câu thông. Bây giờ xem đồ vật cũng như vậy, chỉ xem nhiều màu sắc bên ngoài, còn hàm ý trong đó không biết gì, xem không hiểu. Người biết nhìn chỉ cần thấy sắc nghe âm thanh thì biết được lành dữ họa phúc trong đó. Biết nghe, biết nhìn trong âm thanh hiển lộ ra. Đây là thật sự biết, là người trong nghề. Nên trong nghề thì nghe phong cách, không phải nghề thì nghe náo nhiệt. Con người bây giờ đều thích náo nhiệt. không biết cách, không biết lẽ lối. Đây là không có trí huệ.

Có trí huệ thì “lục căn các phát thắng trí”. Vừa nhìn liền sanh trí huệ, liền hiểu rõ ràng minh bạch. Nhĩ căn nghe rõ ràng minh bạch, hiểu được ý của nó gọi là triệt. Trong âm thanh này bao hàm điều gì? Cây báu phát ra âm thanh. Tin tức đến từ biến pháp giới hư không giới. Ở trước chúng ta đã nói, khổ vui của lục đạo, của mười pháp giới trong quốc độ của tất cả chư Phật. Nhân quả ở trong đó đều có thể đạt được tin tức từ mắt thấy tai nghe. Đây gọi là triệt, gọi là phát thắng trí. Nhãn ở chỗ sắc phát thắng trí, tai ở nơi âm thanh mà phát thắng trí. Cho đến ý ở trong các pháp phát thắng trí, nên kinh văn nói “lục căn thanh triệt”.

“*Vô chư não hoạn*”. Não là phiền não. Tiên Chú của cư sĩ Đinh Phước Bảo. Giải thích Kinh Vô Lượng Thọ trong Tiên Chú. “Não, tâm sở danh, tiểu phiền não địa phát chi nhất”. Phiền não có bản bản phiền não. Căn bản phiền não có sáu loại. Tùy phiền não có hai mươi, trong 20 loại có đại tùy có trung tùy và có tiểu tùy. Điều này trong chú giải có. “*Vô minh, phóng dật, giải đãi, bất tín, hôn trầm, trạo cử. Thử lục giả danh vi đại phiền não địa pháp*”. Đây gọi là đại tùy. Vô minh là không thấu triệt, là si. Si trong tham sân si.



Nói thật với quý vị, tự tánh mỗi người đều là quang minh. Nhà Phật gọi là tự tánh, nhà Nho gọi là minh đức. Ý nghĩa rất tương đồng.

Khi lục Tổ Huệ Năng của Thiên tông thời nhà Đường kiến tánh, ngài báo cáo với Ngũ tổ tự tánh là gì. Ngài đã nói năm câu, 20 chữ: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, câu đầu tiên là “vốn tự thanh tịnh”. Câu thứ hai là “vốn không sanh diệt”. Câu thứ ba là “vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Đầy đủ vạn pháp, không thiếu bất cứ thứ gì. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói cụ thể hơn, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Đây chính là vốn tự đầy đủ. Trong chân tâm tự tánh của mỗi người, trí tuệ đều giống Như Lai, đức năng cũng giống, tướng hảo cũng giống, không hề sai biệt, đây là minh đức.

Hiện nay thì sao? Hiện tại không còn minh đức nữa, nên gọi là vô minh. Vốn là minh, nhưng hiện nay không còn minh. Vì sao không minh? Trong kinh Hoa Nghiêm Đức Thế Tôn dạy rằng: “Vì có vọng tưởng chấp trước nên không chứng được”. Vọng tưởng trong kinh Hoa Nghiêm nói, ở đây gọi là vô minh. Vô minh chính là vọng tưởng\_vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Có ba thứ này là không sang suốt, nên gọi là vô minh. Ba thứ này trong kinh điển đại tiểu thừa thường gọi là ba loại đại phiền não. Thứ nhất là vô minh, vọng niệm quá nhiều. Trong kinh Đức Phật ví tâm chúng ta như nước, ví dụ rất hay. Nước thanh tịnh, nước không có sóng, nước không có gợn sóng giống như tấm gương vậy, cảnh bên ngoài chiếu vào rất rõ ràng. Đây là minh, là chiếu kiến. Còn nước của chúng ta hiện tại thì sao? Nước đục, nước dơ, lại có sóng gió, có sóng gió, nên chiếu vào nước này không thấy được, mất đi tác dụng chiếu kiến gọi là vô minh, là bất minh. Ví dụ này Đức Phật ví rất hay.

Cái gì không sạch? Tự tư tự lợi là không sạch, danh văn lợi dưỡng là dơ bẩn, tham sân si mạn là ô nhiễm, thất tình lục dục là cấu uế. Sao lại không sạch? Động là gì? Cảnh giới phong động. Mê hoặc ở bên ngoài làm khởi dậy phiền não, gọi là cảnh giới phong động, nghĩa là không làm chủ được chính mình. Còn người kiến tánh thì tâm như thế nào? Tâm bất động. Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”. Xưa nay chưa từng bị động. Đây gọi là gì? Là tự tánh vốn định. Chân tâm là định, là tịnh. Không phải động, động là vọng tâm. Câu cuối cùng là “năng sanh vạn pháp”. Năm câu hai mươi chữ đã nói ra chân tâm. Ngũ tổ Hoàng Nhẫn đem y bát truyền cho ngài. Truyền y bát cho ngài là đời tổ thứ sáu.

Năm Đức Thế Tôn 30 tuổi, dưới cội cây bồ đề, khi sao mai vừa mọc ngài đại triệt đại ngộ. Cảnh giới đó hoàn toàn tương đồng với cảnh giới của ngài Huệ Năng. Ngài Huệ Năng báo cáo 20 chữ, còn Đức Thế Tôn có một báo cáo tường tận. Bài báo cáo này là gì? Là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, nói rõ cảnh giới của tự tánh, nói tỳ mỷ tường tận. Ngài Huệ Năng là nói giản lược. Nếu quý vị hỏi, trong Kinh Hoa Nghiêm nói những gì? Dùng 20 chữ của ngài Huệ Năng là được, kinh Hoa Nghiêm chính là nói về điều này. Quy nạp Kinh Hoa Nghiêm chính là 20 chữ này, 20 chữ này triển khai rộng ra chính là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Không tăng không giảm. Người Ấn

Độ thích tường tận, muốn hỏi cho rõ ràng. Người Trung quốc thích ngắn gọn dễ hiểu, thích đơn giản không thích dài dòng. Quý vị xem chỉ 20 chữ.

Vô minh chúng ta có, không dễ phá trừ. Dùng cách nào để phá vô minh? Phải dùng trí Huệ. Trí huệ từ đâu mà có? Trí huệ từ thiên định mà có, cho nên tâm không định thì không có trí huệ. Giống như nước vậy, nhất định phải tịnh, nhất định phải bất động sạch sẽ, thì mới khởi tác dụng chiếu kiến. Chiếu chính là trí huệ chiếu kiến. Tâm động thì không thể có trí huệ, tâm nhiễm ô cũng không thể có trí huệ?

Xã hội ngày nay thiên tai rất nhiều, xã hội loạn động, địa cầu tai biến, rất nhiều người lo lắng. Chúng ta là người học Phật, gặp hoàn cảnh đó phải làm thế nào? Nên biết tâm phải định, tuyệt đối không thể để ngoại cảnh nhiễu loạn. Nhiễu loạn quý vị sẽ chịu khổ. Phải như như bất động, thì từ định sanh huệ, huệ chiếu kiến. Như vậy mới có năng lực giải quyết vấn đề này. Tâm không được hoảng hốt, không thể dao động. Đây là phương pháp tốt nhất để ứng phó tất cả nguy cơ.

Các bậc đại thánh hiền trong thế xuất thế gian đều dạy chúng ta như vậy. Thiên tai xảy ra ngay trước mắt vẫn có thể giữ được bình tĩnh, không bị nó làm dao động. Đây gọi là nhân định thắng thiên. Vì sao vậy? Vì định khai trí huệ, dùng trí tuệ giải quyết vấn đề. Đây là ý nghĩa của câu nhân định thắng thiên, là ý nghĩa đích thực của nó. Trong căn bản phiền não, quý vị xem loại đầu tiên. Điều này rất phiền phức.

Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng thành đạo vô thượng. Nên trong Kinh Kim Cang nói, pháp môn bình đẳng không có cao thấp. Điều này tuyệt đối chính xác. Pháp môn tuy bình đẳng, nhưng căn tánh của chúng sanh không bình đẳng, căn tánh không bình đẳng, nghĩa là nói mỗi pháp môn không nhất định khế hợp căn cơ quý vị, pháp môn không khế cơ thì không đạt được lợi ích. Nhất định phải chọn pháp môn thích hợp với căn tánh của mình, mới có thể được lợi ích. Như bệnh phải uống thuốc vậy. Mỗi loại thuốc đều là thuốc tốt, đều để trị bệnh, đều có thể trị lành bệnh. Nhưng mỗi người mắc bệnh không giống nhau, nên dùng thuốc cũng không tương đồng. Nếu dùng sai chẳng những bệnh không lành, mà bệnh còn nặng thêm. Như vậy là sai. Điều này không thể không biết.

Chúng ta thực sự là phàm phu ngu muội, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn này, phải chọn pháp môn nào cho thích hợp? Nếu chúng ta không hiểu y học, cũng không hiểu dược lý, thì thuốc để đó, có người bị bệnh, ta phải chọn thuốc gì cho họ? Không biết phải làm sao. Phải người trong nghề, người trong nghề nghĩa là người tu hành chơn chánh, người thật sự chứng quả mới được. Tu hành chưa chứng quả đều không đáng tin cậy.

Đi đâu để tìm người chứng quả? Tìm không thấy. Bất đắc dĩ, đức Thế Tôn đưa ra pháp phương tiện, đây là tâm từ bi vô tận mà Đức Như Lai lưu lại cho hậu thế khi ngài rời xa thế gian này. Chúng ta không có năng lực chọn lựa. Ngài dạy rằng: thời kỳ chánh pháp

giới luật thành tựu, thời kỳ tượng pháp thiên định thành tựu, thời kỳ mạt pháp Tịnh độ thành tựu, trong Đại Tập Kinh có nói như vậy. Đây là nói cho chúng ta một phương hướng, thời kỳ chánh pháp là gì? Đức Thế Tôn diệt độ 1000 năm, giai đoạn thứ nhất 1000 năm, nghiêm trì giới luật là có thể chứng quả, có thể khai ngộ, có thể chứng quả. Nhân giới sanh định, nhân định phát huệ, rất nhiều người đã thành tựu. Chúng sanh trong thời kỳ tượng pháp căn tánh chậm lụt, nghĩa là nhiều phiền não, nhiều vọng tưởng, nên khó lòng trì giới, mà chỉ tu định. Phật pháp truyền đến Trung quốc là thời kỳ tượng pháp. Đức Như Lai diệt độ 1000 năm thì Phật pháp truyền đến Trung quốc. Bây giờ người ngoại quốc ghi chép, chúng ta cũng tùy thuận, họ ghi chép Đức Thế Tôn diệt độ đến nay là hai ngàn năm trăm năm mươi mấy năm. Năm 2006 là 2550 năm. Nhưng theo ghi chép của người xưa thì năm nay, Đức Thế Tôn diệt độ đến nay là 3038 năm. Tôi không nhớ ghi chép của người ngoại quốc, Trung quốc tôi còn nhớ. Các vị hoà thượng lớn hơn chúng ta đều dùng niên đại này, dùng niên đại của Trung Quốc. Phật diệt độ đến nay là 3038 năm, đúng vào thời kỳ mạt pháp. Thời mạt pháp đã qua 1000 năm, bắt đầu qua giai đoạn 1000 năm thứ hai. Thời mạt pháp có mười ngàn năm, giai đoạn 1000 năm thứ hai đã qua 38 năm rồi.

Thời kỳ mạt pháp Tịnh độ thành tựu. Chúng ta sanh trong thời kỳ mạt pháp, đặc biệt là sanh vào giai đoạn mở đầu của 1000 năm thứ hai trong thời kỳ mạt pháp. Chúng ta nghe lời không cần lãng phí tư duy để chọn pháp môn cho mình. Chúng ta thật thà nghe lời thì tu pháp môn tịnh độ. Trong pháp môn tịnh độ, tổng cộng có năm bộ kinh, một bộ luận, phân lượng rất ít, rất thích hợp với chúng sanh trong thời hiện đại. Người bây giờ công việc bận rộn, kinh luận quá nhiều họ không sao học hết. Tịnh độ đơn giản, trong sáu bộ kinh chỉ cần học một bộ là được. Nếu đặc biệt bận rộn thì chọn một bộ. Bộ kinh ít nhất là Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương, tổng cộng 244 chữ, còn ít hơn cả Bát Nhã Tâm Kinh, Bát Nhã Tâm Kinh có 260 chữ. 244 chữ, rất đơn giản, thật sự có thể thành tựu. Làm nguyên tắc chỉ đạo tu học cao nhất cho ta.

Nếu có thời gian, thì tốt nhất nên học kinh Vô Lượng Thọ. Có thể nói Kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của pháp môn Tịnh độ. Giới thiệu rất rõ ràng mạch lạc về thế giới tây phương tịnh độ. Trong đó có lý luận, có phương pháp, có lịch sử, lịch sử của thế giới tây phương Cực Lạc. Lý luận trở thành tư duy của chúng ta. Phương pháp là chỉ đạo chúng ta hành động. Y giáo phụng hành thì không có điều gì không thành tựu. Thật là vạn người tu vạn người thành tựu. Đức Thế Tôn đã mở cánh cửa phương tiện cho chúng ta, khiến chúng sanh trong thời mạt pháp có nơi nương tựa.

Thứ hai là phóng dật. Nói đơn giản thì phóng dật chính là dùng tâm không chuyên, tản mạn. Đây là đại phiền não. Đối trị phóng dật chính là thiên định. Trong lục độ ba la mật, thiên định chuyên trị căn bệnh phóng dật này. Dùng thiên định trị nó. Tinh tấn đối trị giải đãi, trí huệ đối trị hôn trầm, đây là phiền não rất nghiêm trọng. Bồ thí đối trị tham lam, đối phó keo kiệt, bồ thí đối phó keo kiệt, trì giới đối phó ác nghiệp, không còn tạo nghiệp. Tất cả đều là đại phiền não. Chúng ta dùng tâm thiên định, nhất tâm, mới có thể học được. Phóng dật biểu hiện bên ngoài là tâm trôi nổi, tâm trôi nổi đó chính là phóng

dật. Học tất cả pháp trong thế xuất thế gian, nó đều làm chướng ngại, khiến ta không học được, bất luận học như thế nào cũng chỉ biết sơ sài, không cách nào thâm nhập được.

Nói cách khác, chúng ta nói một cách rất thô thiển mọi người sẽ dễ hiểu hơn là, không tôn trọng những điều mình học, không có tâm cung kính, không có thành ý, không có tâm cung kính đối với môn học mà mình học. Đối với những tài liệu sách giáo khoa cũng không cung kính, đối với thầy giáo cũng như vậy, cho nên thì không học được điều gì cả.

Ngày nay chúng ta thường nói, trên miệng nhiều người cũng đang nói: Cần phải phục hưng truyền thống văn hoá, cần khôi phục Thích Nho Đạo, có thể làm được chăng? Rất khó! Có thể làm được, nhưng rất khó. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ hiện nay đối với Thích Nho Đạo không có tâm cung kính, không có tâm chân thành. Dù cho thầy giáo có giỏi đến mấy cũng không dạy được học sinh giỏi. Ấn Quang đại sư dạy rằng: “một phần thành kính được một phần lợi ích.” Đây là nói về học trò, học trò có mười phần thành kính, họ được mười phần lợi ích. Như vậy ngày nay chúng ta nói, trong số học trò muốn tìm một phần thành kính cũng không dễ, họ không có tâm thành kính. Dùng để hình dung hai chữ phóng dật này. Họ chính là thái độ này, họ là đến chơi, từ mẫu giáo đến thạc sĩ đều là đến chơi, làm gì có chuyện siêng năng học tập?

Tôi có dạy ở trường đại học Đài Loan 5 năm. Trong Phật Học Viện cũng dạy khoảng 5 năm. Trước sau chỉ dạy như vậy, về sau tôi không dạy nữa. Vì sao vậy? Học sinh đều không phải siêng năng học tập, số lượng lẫn lộn. Khi thi muốn thầy phải nói đề thi cho họ. Thầy giáo có nói không? Có. Vì sao vậy? Không nói thì lần sau tôi dạy, ( là môn học tự chọn) họ sẽ không học, họ không đến. Cái mà học sinh cần là điểm, ngoài ra đều là giả, họ chỉ cần điểm thôi. Như vậy thầy giáo trong trường thì sao, thầy giáo thì cần lương bổng, cần công việc để kiếm cơm. Dù gì thì mọi người đều như vậy!

Tôi học triết học với thầy Phương, thầy Phương nói với tôi. Hiện nay trong trường, thầy không giống thầy, học trò không trò. Tôi muốn đến trường dự thính môn của thầy, thầy nói anh đến trường nghe giảng sẽ rất thất vọng. Lúc đó tôi nghe như vậy trong lòng rất buồn, bị thầy cự tuyệt rồi, tin rằng biểu hiện của tôi lúc đó rất thất vọng. Ôm hy vọng rất lớn, lại bị thầy dội một thau nước lạnh, rất buồn. Chúng tôi im lặng khoảng 5 phút, thầy nói, thôi thì như vậy, chủ nhật hằng tuần anh đến nhà, tôi sẽ dạy anh hai tiếng. Đây là mở khoá học đặc biệt, triết học của tôi là học trên bàn tròn, trong phòng khách nhỏ nhà thầy. Chúng tôi cũng không có sách giáo khoa, giống như người xưa dạy học vậy, chỉ một thầy một trò học như vậy, không đến trường. Đây là điều chúng tôi năm mơ cũng không dám nghĩ, mười mấy năm sau nghĩ lại việc này, vì sao thầy lại dạy tôi như vậy? Chắc là thầy tôi còn chút tâm thành kính, nếu không có chút thành kính đó, thầy không để ý đến chúng tôi. Tôi quen thầy là tự mình viết thư giới thiệu mình. Tôi viết thư bằng thể văn cổ, dùng bút lông cung cung kính kính viết bằng thể chữ khải nhỏ. Thầy trả lời thư kêu bảo gặp mặt, thấy thái độ của tôi, chính là một phần tâm cung kính đó. Phần tâm cung kính này là do ngày xưa ở nhà được cha mẹ dạy, không có tâm cung kính này thì ai thêm để ý

đến chúng ta? Tôi có ba vị thầy, đều cảm động do tâm cung kính này. Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư dạy tôi, cũng là đặc biệt rút ra thời gian trong một tuần, dù bận rộn đại sư cũng dạy một tiếng đồng hồ, khi không bận thì hai tiếng. Khi tôi theo thầy Lý. Thầy lý mở lớp dạy học\_lớp học kinh điển. Chính là lớp bồi dưỡng nhân tài giảng kinh hoàng pháp. Thầy muốn tôi tham gia lớp này, các bạn đồng học có hơn 20 người. Một tuần lên lớp một lần 3 giờ đồng hồ, một tuần học một buổi. Nên con người không biết hiếu thuận cha mẹ, không biết tôn kính sư trưởng, không tôn trọng khoá trình mình học, như vậy sẽ không đạt được bất cứ lợi ích nào. Dù thầy giáo có giỏi cũng không được, đều không cách nào dạy quý vị. Đây là điểm khó khăn trong việc khôi phục truyền thống dạy học. Vì người bây giờ từ nhỏ đã phóng dật. “Tập quán thành tự nhiên”, không có quy củ.

Thời xưa dạy học, từ nhỏ đã học quy củ. Ngồi có tướng của ngồi, đứng có tướng của đứng. Từ nhỏ đã chịu sự trói buộc rất nghiêm khắc, làm sao có thể tùy tiện? Làm sao có thể không có trên dưới, không có quy củ? Nên Đệ Tử Quy chính là quy củ. Dạy khi nào? Trẻ con mới chào đời. Khi chúng vừa mở mắt là bắt đầu biết nhìn, lỗ tai chúng biết nghe. Tuy chưa biết nói, nhưng chúng quan sát cách nói và sắc mặt người khác, đã biết học hỏi. Nên người xưa nói, dạy con từ thuở còn trong nôi. Không phải trẻ con, mà lúc đứa trẻ vừa mới chào đời. Giáo dục cấm rễ là 1000 ngày, tức là ba năm. Từ lúc mới sanh đến năm ba tuổi. Cấm rễ suốt ba năm này. Ngạn ngữ cổ có câu “tam tuế khan bát thập”. Nếu giáo dục cấm rễ này làm tốt, đến 80 tuổi cũng không thay đổi. Nên Đệ Tử Quy không phải để dạy các bạn nhỏ đọc, mà là cha mẹ thực hiện trước mặt các bạn nhỏ để chúng thấy, hoàn toàn là thân giáo. Cha mẹ, quý vị xem họ hiếu thảo cha mẹ như thế nào, trẻ nhỏ đều hiểu hết. Tương lai lớn lên chúng cũng hiếu thảo cha mẹ. Nên cha mẹ hay người nhà trước mặt trẻ con, nhất định phải giữ lễ, phải biết quy củ. Vì sao vậy? Vì chúng đang học tập. Tuyệt đối không được để chúng thấy được mặt trái, nghe được mặt trái, không thể được. Chúng nhìn thấy, nghe thấy và tiếp xúc được toàn là điều tốt. Hiện nay giáo dục này không còn. Từ nhỏ trẻ em vừa mở mắt chào đời, chúng thấy, nghe và tiếp xúc được, toàn điều xấu xa.

Các bậc cha mẹ hiện nay cứ mãi bận rộn với công việc chính mình, không có thời gian dạy con cái. Con cái giao cho ai? Giao cho người giúp việc. Người giúp việc dạy chúng những điều gì? Người ở sợ chúng làm ồn, sợ chúng khóc lóc, nên thích cái gì thì cho cái đó, để chúng ăn chơi thoải mái. Bảo chúng xem ti vi, xem càng say thì người giúp việc càng vui. Vì sao vậy? Vì được bớt công việc không cần phải lo. Xem những thứ đó, chúng học hết những điều như bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng. Nên cha mẹ hiện nay luôn than thở con cái khó dạy. Thầy giáo cũng than học sinh khó dạy.

Ngày xưa cha mẹ và thầy giáo, hình như không nghe họ than thở như vậy. Làm gì có đạo lý này? Đây là xã hội hiện nay. Xã hội ngày xưa lấy việc đọc sách hiểu đạo lý làm đầu. Xã hội bây giờ không phải như vậy, ai có nhiều tiền thì người đó là số một, nên không từ bất kỳ thủ đoạn nào để đoạt lấy tiền tài phú quý. Lợi là điều mà con người luôn tranh giành. Như vậy thì thế giới này còn có hoà bình được chăng? Còn có an định chăng? Không thể. Nên hai chữ cạnh tranh này có thể hại chết người!

Hình như là năm 2003, hiệu trưởng trường đại học Côn Sĩ Lan tìm tôi. Tôi tiếp xúc với đại học Cách Lý Phi trước đó, hình như là năm 2000, chúng tôi đã tiếp xúc năm 2000. Đại học Côn Sĩ Lan là năm 2003. Học viện Hoà Bình của họ, giáo thọ cử hành một buổi tọa đàm, mời tôi tham gia, đến đó tôi mới biết trường có học viện Hoà Bình, trước đó chưa từng nghe. Biết được trên toàn thế giới có tám trường đại học, có học viện Hoà Bình, họ cũng chiêu sinh, cũng có học vị tiến sĩ. Sinh viên tốt nghiệp rồi, đa phần đều phục vụ trong Liên Hiệp quốc, điều đình sự phân tranh của quốc tế. Mười mấy vị giáo thọ ngồi đối diện trước mặt tôi, tôi thấy vị giáo thọ này địa vị rất cao, ông được xếp hàng thứ hai, người Mỹ. Tôi đến thỉnh giáo ông ấy. Tôi nói: giáo dục của Mỹ, từ mẫu giáo, tiểu học, trung học, đại học đến thạc sĩ, có phải là tất cả đều dạy cạnh tranh chằng? Ông ta nói: Phải! Tôi nói cạnh tranh, nếu tiếp tục lên cao hơn là gì ông có biết chằng? Họ đều chưa nghĩ đến. Cạnh tranh lên một cấp nữa là đấu tranh. Đấu tranh lên nữa là chiến tranh. Hiện nay chiến tranh là vũ khí hạt nhân, là sinh hoá học, đó chính là sự hủy diệt của tất cả nhân loại. Giáo dục này là chỉ có con đường chết, thật đáng sợ. Giáo dục phương đông là lấy Trung quốc và Ấn độ làm đại biểu. Giáo dục đông phương không phải dùng cạnh tranh, mà dùng nhường nhịn. Từ nhỏ đã dạy các bạn nhỏ nhường nhịn, lớn hơn một chút thì dạy chúng khiêm nhường, biết khiêm tốn nhường nhịn người khác, sau khi lớn lên thì lễ nghĩa. Không có tranh, chúng không cạnh tranh, nên không có đấu tranh, cũng không có chiến tranh. Lịch sử này đã mấy ngàn năm nay là hoà bình thanh thế, từ không tranh giành mới tạo nên hiện tượng như vậy.

Tôi nói nhường nhịn, lễ nghĩa mới là con đường sống. Mọi người đều thích. Tâm con người là thanh tịnh, là định, là lương thiện, là hài hoà. Cạnh tranh thật đáng sợ. Nhất định là anh chết tôi sống. Hậu quả không đáng sợ sao? Người người đều cạnh tranh, như vậy xã hội này làm sao có thể thái bình? Nên tôi đã tham gia hai lần. Sau đó trường mời tôi làm giáo thọ của họ. Tôi hoá giải vấn đề này, dùng những phương pháp, những lý niệm cổ xưa của Trung quốc. Cũng chính là nền tảng triết học “thành kính khiêm hoà”. Dùng tâm thành kính đối người tiếp vật. Dùng cung kính, khiêm hư, hài hoà để hoá giải đấu tranh. Trên quốc tế, từ gia đình đến quốc gia, nước này với nước kia hàng ngày đều đối lập, đấu tranh. Làm sao để hoá giải vấn đề này. Tiêu trừ xung đột là nghiên cứu chủ yếu của họ, nhưng nguồn gốc xung đột họ không biết. Tôi nhắc nhở họ, nguồn gốc xung đột là ở gia đình.

Quý vị xem ngày nay, các nơi trên thế giới, số người ly hôn nhiều hay ít. Vì sao ly hôn? Vợ chồng xung đột, vợ chồng xung đột chắc chắn diễn biến thành cha con xung đột, anh em xung đột, gia đình xung đột với láng giềng, quý vị làm việc trong xã hội xung đột lợi ích với người khác. Đây là xung đột trên mặt danh lợi, lan rộng đến các dân tộc, lan rộng đến quốc gia này và quốc gia khác. Mọi diễn biến chính là như vậy. Tôi nói chuyện với họ, họ được nghe những điều xưa nay chưa từng nghe, xưa nay chưa từng nghĩ đến phương diện này. Hoá giải xung đột của quốc tế, nên bắt đầu làm từ gia đình, quý vị mới có thể có năng lực giải quyết vấn đề này.

Giải quyết vấn đề này phải cần có trí huệ. Trí thức không làm được, trí huệ mới thể làm được. Vấn đề này nếu không giải quyết thì xã hội vĩnh viễn không an định. Ngày nay toàn bộ thế giới chịu ảnh hưởng kiểu giáo dục này của phương tây, chính là cạnh tranh, thật đáng sợ. Lý niệm cạnh tranh sẽ hủy diệt thế giới. Đừng xem thường nó, đây là một sai lầm lớn! Thật là trái với phương hướng giáo dục truyền thống của người xưa đến 180 độ. Điều này không đáng sợ sao? Từ sau khi tôi tham gia hai lần hội nghị này, tiếp nhận lời mời của nhà trường, nhà trường tặng tôi học vị tiến sĩ tôi đều chối từ. Tôi nói, tôi cảm thứ này cũng vô dụng, người xuất gia chúng tôi không cần những thứ này. Nhưng cả hai vị hiệu trưởng đều nói với tôi là nhất định cần. Tôi nói tại sao? Họ nói, lý niệm này của pháp sư, họ suy nghĩ đích thực có đạo lý, có thể giúp thế giới hoá giải xung đột, tiến tới hoà bình. Hy vọng pháp sư đại diện cho nhà trường tham gia hội nghị hoà bình của Liên Hợp quốc. Hội nghị hoà bình của Liên Hiệp quốc, thỉnh mời đều là chuyên gia học giả, đều có học vị tiến sĩ, có giáo thọ đại học, họ không mời hoà thượng. Như vậy tôi mới tiếp nhận. Vì sao vậy? Đây là một việc tốt. Thế giới này vấn đề rối rắm quá lớn. Chúng ta có thể góp một chút sức lực mỏng manh, cũng đồng ý cống hiến. Vì vậy nên mới chấp nhận. Trong mười năm tham gia hơn mười lần hội nghị, hầu như mỗi lần tôi đều có bài báo cáo, giúp cho họ chủ trì hội nghị Liên Hiệp quốc. Hình như có hai lần, nhưng một lần họ mời tôi làm chủ hội nghị.

Ở Pari, năm 2006 tại Pari, là lần tham gia chủ hội nghị do Liên Hiệp quốc giáo khoa văn tổ chức. Tình hình cơ bản tôi dần dần đã hiểu rõ. Những chuyên gia học giả tham dự hội nghị này cũng quen không ít người. Họ đưa ra với tôi một vấn đề. Nghe báo cáo của tôi họ rất thích, vì rất có lý, nhưng rốt cuộc họ đã nói như thế nào? “Đây là lý tưởng, không làm được”. Vấn đề này đã làm tôi ưu tư rất nhiều. Vì sao vậy? Vì họ không có lòng tin. Trong Phật pháp nói: “niềm tin là mẹ của các công đức”. Con người nếu mất lòng tin, thì việc gì cũng không thể thành tựu. Điều này thật đáng sợ. Làm thế nào để xây dựng niềm tin cho họ? Nhất định phải làm gương mẫu, người Trung quốc nói gương mẫu. Làm gương cho họ thấy thì họ sẽ tin. Nên điều này ép chúng tôi dùng thời gian hai năm, đi khắp nơi để tìm một thị trấn nhỏ làm thí nghiệm. Ở nước ngoài tìm không có, nguồn gốc văn hoá không tương đồng.

Mùa xuân năm 2005 tôi trở về quê. 70 năm chưa trở về, nay trở về quê nhà thăm. Dem những khó khăn tôi đã gặp nói với các hương thân phụ lão. Không ngờ họ rất hoan hỷ, khuyên tôi nên trở về quê làm thí nghiệm. Chính điều này đã thúc đẩy đưa đến thành lập trung tâm ở thị trấn Thang Trì, thật không ngờ. Vì tổ chức dạy học này, hoàn toàn dùng truyền thống văn hoá để dạy. Xem có hiệu quả chăng? Tôi biết ngày xưa các bậc tiền bối đã từng làm nhưng chưa thành công. Đào Hành Tri đã làm một lần nhưng không thành công. Còn có một vị nhưng cũng làm không thành. Nên tôi nghĩ, họ làm không thành công nguyên nhân vì đâu, chúng ta thay đổi nguyên nhân này.

Họ làm là có đối tượng đặc biệt, lấy các bạn trẻ làm đối tượng. Dạy các bạn trẻ, các bạn trẻ học rồi nhưng thấy mọi người đều không làm, nên họ không có lòng tin. Vì thế chúng tôi nghĩ ra một cách, cư dân nơi thị trấn nhỏ này có bốn vạn tám ngàn người. Bốn

vạn tám ngàn người này, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề đều cùng nhau học, cho nên đã thành công. Học Đệ Tử Quy, thâm nhập một môn, không ngờ ba tháng sau thì nếp sống nơi trấn nhỏ này đã chuyển biến, chuyển biến rõ rệt. Những vị giáo thọ này đều rất kinh ngạc, đem tình hình này nói với tôi. Tôi nói, điều này có thể chứng minh một việc, trong Tam Tự Kinh nói “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Bản tánh con người nó vốn thiện. Chỉ là không ai dạy họ, khi có người dạy thì lương tâm đều trở dậy.

Vốn không biết như thế nào gọi là lương tâm, bây giờ lương tâm đã xuất hiện. Cảm thấy xấu hổ khi làm điều không tốt, sức mạnh này lớn biết bao! Hiệu quả thành tựu quá nhanh, vượt ra ngoài dự định. Lúc tôi cũng không biết phải làm sao. Tôi nói làm sao đây? Làm sao báo cáo với Liên Hiệp Quốc? Liên Hiệp quốc không phải đơn giản dễ tìm như vậy. Nên tôi nói là tổ tông sắp đặt, Chư Phật Bồ Tát làm công tác này. Liên Hiệp quốc đến tìm tôi, điều này quá tốt. Tháng 5 năm 2006, Liên Hiệp quốc tìm tôi, yêu cầu tôi chủ trì tổ chức hoạt động này trong tháng mười. Hoạt động này lần đầu tiên Liên Hiệp quốc tổ chức. Kỷ niệm chu niên 2550 của Đức Thế Tôn. Chủ đề hoạt động này là “Cống hiến của Phật giáo đối với xã hội”. Chủ đề này thật là hiếm có. Được cơ hội này, chúng ta có thể đem thành tích nơi thị trấn Thang Tri, đưa ra báo cáo với Liên Hiệp quốc. Đây là thật không phải giả, không phải lý tưởng, là điều có thể thực hiện. Chúng tôi đã làm một bài báo cáo tám tiếng đồng hồ, triển lãm bốn ngày. Dùng một nhà lớn của Liên Hiệp quốc, để làm triển lãm bốn ngày. 192 quốc gia trên toàn thế giới làm đại sứ đại biểu của Liên Hiệp quốc, đều muốn đến Thang Tri xem thử. Lòng tin đã khởi lên.

Chúng tôi làm bài báo cáo ở Liên Hiệp quốc lần này, tiếng tăm rất lớn. Vì sao vậy? Vì thí nghiệm đã thành công. Lúc đó tôi có hai câu nói, mang đi tham gia chủ trì tổ chức hoạt động lần này. Câu thứ nhất là tôn giáo có thể đoàn kết. Câu thứ hai là con người có thể dạy được. Nên tôi mời đại biểu chín tôn giáo của Singapore, ở nơi đại sảnh của Liên Hiệp quốc làm lễ cầu nguyện thế giới hoà bình. Cũng là lần đầu tiên, mọi người nhìn thấy nên họ rất hoan hỷ. Chứng minh truyền thống văn hoá xưa, đối với thế giới ngày nay có tác dụng cứu vãn. Đích thực như Thang Ân Tử nói: giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21. Hiện nay còn có thể nói, bao gồm vấn đề thiên tai của địa cầu, thì học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa có thể giải quyết.

Điều đáng tiếc chính là, mọi người đối với học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa quá xa lạ, đều không biết. Chúng tôi tuyên dương đại thừa đến nay là 53 năm. Chúng tôi dùng internet cũng mười mấy năm, khoảng gần 20 năm. Dùng truyền hình vệ tinh chín năm. Bắt đầu từ tết nguyên đán năm 2003. Điều này có được một vài tác dụng, truyền hình trước mặt mọi người trên toàn thế giới, quý vị lên mạng. Hầu như hàng ngày chúng ta đều gặp nhau. Quần chúng trong xã hội rộng lớn chúng ta đều có thể quen biết. Điều có thể siêng năng học tập và phổ biến, thì xã hội có thể hoà bình, thiên tai của địa cầu có thể hoá giải.

Bây giờ tuổi tôi đã lớn, năm nay 85 tuổi rồi. Nên các hoạt động tôi không thể tham gia. Những năm về già tôi sẽ làm một việc là giảng kinh dạy học. Vẫn là dùng internet,



dùng truyền hình. Tôi không có giảng đường. Tôi chỉ có một phòng thu hình nhỏ, đối diện với các vị đồng học có duyên. Như thế nào gọi là có duyên? Quý vị chịu mở ti vi, mở internet là có duyên. Quý vị không mở ra, không xem là không có duyên. Chúng ta cùng nhau học tập là vì thiên tai quá nhiều, đặc biệt đã dừng giảng Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm chưa giảng xong, phải chuyển qua giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Lần này giảng tường tận, chọn tài liệu chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là nhân duyên chúng tôi quen biết. Thật là đến già mới gặp được tri kỷ.

Trước đây tôi ở hải ngoại hoằng dương bộ kinh này. Hoàng Niệm Tổ ở trong nước cũng hoằng dương bộ kinh này. Chỉ có hai chúng tôi hoằng dương bộ kinh này, không có người thứ ba. Nên chúng tôi gặp nhau vô cùng hoan hỷ. Bây giờ ông ấy đã vãng sanh. Bộ chú giải này, có thể tôi là người đầu tiên được ông ấy tặng, chúng tôi gặp nhau ở Mỹ. Ở Mỹ gọi điện thoại mà chưa gặp mặt. Tôi ở Đức Châu, ông ta ở Ma Lý Lan Châu. Ở Mỹ một tháng ông ấy về nước, còn tôi ở khoảng hai ba tháng thì về, tôi đến Bắc Kinh thăm ông. Ông ấy bắt đầu chú kinh điển này. Sau khi chú giải hoàn thành, liền chuẩn bị để mình niệm Phật vãng sanh. Thật hiếm có, vô cùng từ bi. Đúng là người tu hành chơn chánh.

Nên lần này, giảng tường tận về chú giải này để kỷ niệm Hoàng Niệm Tổ, cũng báo đáp ân tri ngộ của chúng tôi. 9000 năm của thời kỳ mạt pháp, chúng tôi có lòng tin. Chắc chắn bản hội tập này, bộ chú giải này, Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa này, sẽ giúp chúng sanh trong 9000 năm của thời kỳ mạt pháp, niệm Phật vãng sanh tịnh độ. Đây cũng là điều rất hiển nhiên, chúng ta đến thế gian này là để làm điều này. Nên hiện nay một ngày tôi giảng bốn tiếng, dự định cuối năm này giảng xong bộ kinh này. Mất khoảng 1200 tiếng.

Mấy ngày trước, phó hiệu trưởng trường đại học Cách Lý Phi Tư đến thăm tôi. Ông ấy biết tôi mỗi ngày dạy 4 tiếng. Tôi nói đây là một môn học mà trường các ông không có. Môn học này ở trong lớp học, vượt qua 1200 tiếng. Trong Phật pháp đại thừa là môn học vô cùng quan trọng, hy hữu khó gặp. Các bạn đồng học có duyên gặp được, nên nắm bắt cơ hội này, nhất định sanh đến thế giới Cực Lạc, nhất định trong một đời thành tựu vô thượng bồ đề.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 358**